



Phụ lục I
DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Thông tư số **47** /2025/TT-BKHCN ngày **24** tháng **12** năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

*** Ký hiệu viết tắt:**

- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ, ngành;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: UBND cấp tỉnh;
- Bộ Khoa học và Công nghệ: Bộ KH&CN

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
I	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (Cục Thông tin, Thống kê; Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên; Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc; Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ; Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia).				
1	Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và kết quả hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ, thông tin khoa học và công nghệ				
1.1	Biểu số 01.1/NCKH	Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Bộ, ngành; Đại học quốc gia; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
1.2	Biểu số 01.2/UĐCN	Kết quả hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm



TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
1.3	Biểu số 01.3/ĐMCN	Kết quả hoạt động đổi mới công nghệ trên cả nước	Bộ KH&CN	Chính phủ	Hàng năm
1.4	Biểu số 01.4/CGCN	Kết quả hoạt động đăng ký chuyển giao công nghệ	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
1.5	Biểu số 01.5/TTKHCHN	Kết quả hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
2	Báo cáo tình hình hoạt động thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thẩm định công nghệ dự án đầu tư; Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước				
2.1	Biểu số 02.1/TĐCN	Tình hình thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thẩm định công nghệ dự án đầu tư	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
2.2	Biểu số 02.2/TĐCN	Tình hình thẩm định, có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư của Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	Hàng năm
2.3	Biểu số 02.3/TĐNV	Tình hình thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
		nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước			
3	Báo cáo tình hình nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng				
3.1	Biểu số 03.1/NKMM	Tình hình nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, các trường hợp vi phạm buộc tái xuất, xử phạt	Bộ Tài chính	Bộ KH&CN	Hàng năm
3.2	Biểu số 03.2/NKMM	Tình hình nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, các trường hợp vi phạm buộc tái xuất, xử phạt	Bộ KH&CN	Thủ tướng Chính phủ	Hàng năm
4	Báo cáo kết quả hoạt động của các Khu công nghệ cao				
4.1	Biểu số 04.1/KCNC	Kết quả hoạt động của Khu công nghệ cao	Ban quản lý khu công nghệ cao	Bộ KH&CN	Hàng năm
4.2	Biểu số 04.2/KCNC	Kết quả hoạt động của các Khu công nghệ cao trên cả nước	Bộ KH&CN	Thủ tướng Chính phủ	Hàng năm
II	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRONG LĨNH VỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO (<i>Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ; Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ; Cục Đổi mới sáng tạo; Viện Ứng dụng công nghệ; Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia</i>)				

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
5	Báo cáo kết quả cấp Giấy chứng nhận trong hoạt động khoa học và công nghệ, kết quả cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước				
5.1	Biểu số 05.1/TCKHCN	Kết quả cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ, Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
5.2	Biểu số 05.2/DNKHCN	Kết quả cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
5.3	Biểu số 05.3/DNCNC	Kết quả cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng tháng
5.4	Biểu số 05.4/KQDNCNC	Kết quả hoạt động của các doanh nghiệp công nghệ cao được cấp giấy chứng nhận	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
5.5	Biểu số 05.5/DNTLDASXC NC	Kết quả cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
5.6	Biểu số	Kết quả hoạt động của doanh	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
	05.6/KQHĐDASXC NC	nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao			
5.7	Biểu số 05.7/HDUDCNC	Kết quả cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng tháng
5.8	Biểu số 05.8/KQUDCNC	Kết quả hoạt động của các cá nhân, tổ chức được cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
5.9	Biểu số 05.9/HDNC&PTCN C	Kết quả cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
5.10	Biểu số 05.10/HDICSUTCN C	Kết quả cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
5.11	Biểu số 05.11/GXN	Kết quả cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
		nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước			
5.12	Biểu số 05.12/ĐGTĐCN	Kết quả đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong ngành sản xuất	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
5.13	Biểu số 05.13/LTĐMCN	Kết quả xây dựng và triển khai Lộ trình đổi mới công nghệ cho một số ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
5.14	Biểu số 05.14/CSDLUDPT CN	Báo cáo công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về ứng dụng và phát triển công nghệ	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
6	Báo cáo tình hình triển khai phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia				
6.1	Biểu số 06.1/KNST	Báo cáo hoạt động khởi nghiệp sáng tạo	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
6.2	Biểu số 06.2/KNST	Báo cáo hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	UBND cấp tỉnh; Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tổ chức chính trị -	Bộ KH&CN	Hàng năm

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
			xã hội; Tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp		
6.3	Biểu số 06.3/QĐTMH	Báo cáo tình hình hoạt động của quỹ đầu tư mạo hiểm địa phương	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
6.4	Biểu số 06.4/TLDN	Báo cáo việc thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ	Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội; Các bộ, ngành liên quan	Bộ KH&CN	Hàng năm
6.5	Biểu số 06.5/KNST	Báo cáo triển khai kết quả thực hiện Nghị định số 271/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội	Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội	Bộ KH&CN	Hàng năm
III	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRONG LĨNH VỰC BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG (<i>Vụ Bưu chính; Cục Tần số vô tuyến điện; Cục Viễn thông; Cục Bưu điện Trung ương; Trung tâm Internet Việt Nam; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích</i>)				

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
	Việt Nam)				
7	Báo cáo công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực Viễn thông				
7.1	Biểu số 07.1/VT	Báo cáo về hạ tầng viễn thông trên địa bàn	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); Sở KH&CN.	Quý I, 6 tháng đầu năm, Quý III, cả năm
7.2	Biểu số 07.2/VT	Báo cáo về dung lượng kết nối Internet, nhà trạm viễn thông chia sẻ, sử dụng chung	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông	Bộ KH&CN (Cục Viễn thông).	Quý I, 6 tháng đầu năm, Quý III, cả năm
7.3	Biểu số 07.3/VT	Báo cáo về tổng đầu tư mạng lưới, xuất khẩu và nhập khẩu dịch vụ viễn thông	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông.	Bộ KH&CN (Cục Viễn thông)	Cả năm
7.4	Biểu số 07.4/VT	Báo cáo về dịch vụ viễn thông	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông.	Bộ KH&CN (Cục Viễn thông)	Cả năm
7.5	Biểu số 07.5/VT	Báo cáo về số liệu và tình hình khai thác, sử dụng mã, số viễn thông	Tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ mã, số viễn	Bộ KH&CN (Cục Viễn thông)	Trước ngày 15 tháng 01 của năm liền sau

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
			thông, doanh nghiệp thuê số thuê bao viễn thông		năm báo cáo
7.6	Biểu số 07.6/VT	Báo cáo định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông	Doanh nghiệp viễn thông được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.	Bộ KH&CN (Cục Viễn thông).	Tháng/6 tháng/năm
7.7	Biểu số 07.7/VT	Báo cáo hạ tầng, doanh thu, người sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và người sử dụng dịch vụ Viễn thông cơ bản trên Internet	Doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam: cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu; cung cấp dịch vụ điện toán đám mây. Doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet	Bộ KH&CN (Cục Viễn thông).	Quý/Năm

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
			đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam		
8	Báo cáo công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực Tần số vô tuyến điện				
8.1	Biểu số 08.1/TSVT	Báo cáo về Danh mục thiết bị phát sóng vô tuyến điện sử dụng trong mạng thông tin vô tuyến điện	Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy phép sử dụng băng tần.	Bộ KH&CN (Cục Tần số vô tuyến điện)	Hàng quý. Đối với báo cáo đột xuất thì gửi trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) gửi văn bản
IV	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRONG LĨNH VỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia)				
9	Báo cáo công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thông tin điện tử				
9.1	Biểu số	Báo cáo về hoạt động chứng thực chữ ký số	Các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng	Bộ KH&CN (Trung tâm	Tháng

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
	09.1/CTĐT		thực chữ ký số công cộng	Chứng thực điện tử quốc gia).	
V	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (<i>Cục Sở hữu trí tuệ; Viện Sở hữu trí tuệ quốc gia</i>)				
10	Báo cáo hoạt động sở hữu trí tuệ				
10.1	Biểu số 10.1/SHTT	Kết quả công tác quản lý về sở hữu trí tuệ và triển khai các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến tại địa phương	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
10.2	Biểu số 10.2/SHTT	Tình hình triển khai các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến của bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	Hàng năm
10.3	Biểu số 10.3/SHTT	Kết quả thực thi quyền sở hữu công nghiệp	Bộ Tài chính; Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công an	Bộ KH&CN	Hàng năm
VI	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG (<i>Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia</i>)				
11	Báo cáo tình hình xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; hoạt				

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
	động tiếp nhận công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy				
11.1	Biểu số 11.1/QCKT	Tình hình xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
11.2	Biểu số 11.2/ĐGSPH	Tình hình tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
11.3	Biểu số 11.3/TCVN	Tình hình xây dựng, thẩm định, công bố TCVN; số lượng TCVN hài hòa TCQT, TCKV, TCNN	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	Hàng năm
12	Báo cáo tình hình quản lý, xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố				
12.1	Biểu số 12/GTCL	Tình hình quản lý, xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
13	Báo cáo kết quả hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp Việt Nam và kết quả hoạt động của Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại				
13.1	Biểu số 13.1/TBT	Kết quả hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
		thương mại (TBT) tại địa phương			
13.2	Biểu số 13.2/TBT	Kết quả hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) tại Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	Hàng năm
13.3	Biểu số 13.3/TBT	Kết quả hoạt động của Mạng lưới TBT Việt Nam và kết quả hoạt động của Ban liên ngành TBT	Bộ KH&CN	Thủ tướng Chính phủ	Hàng năm
14	Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về đo lường				
14.1	Biểu số 14/ĐL	Tình hình quản lý nhà nước về đo lường	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
15	Báo cáo tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp				
15.1	Biểu số 15.1/KTCL	Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của địa phương	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
15.2	Biểu số 15.2/KTCL	Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	Hàng năm
15.3	Biểu số 15.3/ĐGSPH	Tình hình chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
15.4	Biểu số 15.4/KTCL	Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh	Bộ KH&CN	Thủ tướng Chính phủ	Hàng năm

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
		giá sự phù hợp			
VII	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ (<i>Cục An toàn bức xạ và hạt nhân; Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam</i>)				
16	Báo cáo công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân; phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử				
16.1	Biểu số 16.1/ATBX	Công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân tại địa phương	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
16.2	Biểu số 16.2/NLNT	Công tác phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử tại địa phương	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
16.3	Biểu số 16.3/ATBX	Công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân toàn quốc	Bộ KH&CN	Thủ tướng Chính phủ	Hàng năm
VIII	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA KHỐI QUẢN LÝ/CƠ QUAN BỘ: (<i>Văn phòng Bộ; Vụ Kế hoạch – Tài chính; Vụ Pháp chế; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Hợp tác quốc tế; Trung tâm Công nghệ thông tin</i>)				
17	Báo cáo tình hình xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật và kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực khoa học và công nghệ				
17.1	Biểu số 17.1/XDVB	Tình hình xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
17.2	Biểu số 17.2/TTKT	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực khoa học và công nghệ	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
18	Báo cáo kết quả phân bổ và sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ				
18.1	Biểu số 18.1/KP	Kết quả phân bổ và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi cho khoa học và công nghệ của địa phương	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
18.2	Biểu số 18.2/KP	Kết quả phân bổ và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi cho khoa học và công nghệ của Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	Hàng năm
18.3	Biểu số 18.3/QUY	Kết quả hoạt động và sử dụng kinh phí của quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
19	Báo cáo về phát triển nhân lực khoa học và công nghệ; phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ				
19.1	Biểu số 19.1/NLKHCN	Kết quả phát triển nhân lực khoa học và công nghệ	Bộ, ngành; Đại học quốc gia; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
19.2	Biểu số 19.2/CCTC	Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
19.3	Biểu số 19.3/CCTC	Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Bộ, ngành; Đại học quốc gia.	Bộ KH&CN	Hàng năm
19.4	Biểu số 19.4/HTCN	Tình hình phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Hàng năm
IX	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP (<i>Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; Công ty cổ phần FPT; Công ty TNHH MTV phát triển và ứng dụng công nghệ NEAD; Công ty Cổ phần công nghệ điện tử, cơ khí và môi trường (EMECO); Công ty Cổ phần ứng dụng khoa học và công nghệ (MITEC).</i>)				
20	Báo cáo công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực Bưu chính				
20.1	20.1/BC	Báo cáo tình hình cung ứng dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả	TCT Bưu điện VN/Bưu điện các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Bộ Khoa học và Công nghệ/ Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I, III, 6 tháng đầu năm, cả năm
20.2	20.2/BC	Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ bưu chính công ích	Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích; Chi nhánh doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	Bộ KH&CN đối với các báo cáo của Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công	Hàng năm

TT	Ký hiệu mẫu	Tên báo cáo	Cơ quan báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện
			tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	ích; Sở KH&CN đối với các báo cáo của Chi nhánh doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	

